

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2087 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 6 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Hà Long,  
huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;*

*Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2045;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;*

*Căn cứ Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3734/SXD-PTĐT ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt Chương trình phát triển đô thị*

*Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2023 của UBND huyện Hà Trung).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với nội dung chính sau:

### **1. Phạm vi lập Chương trình phát triển đô thị**

Phạm vi nghiên cứu lập Chương trình phát triển đô thị Hà Long có tổng diện tích tự nhiên 4.841,05 ha thuộc địa giới hành chính xã Hà Long, huyện Hà Trung; ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình;
- Phía Nam giáp các xã Hà Bắc, Hà Giang, huyện Hà Trung;
- Phía Đông giáp phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn;
- Phía Tây giáp xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành.

### **2. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị**

#### **2.1. Quan điểm:**

- Chương trình phát triển đô thị phải phù hợp với Chương trình phát triển đô thị Quốc gia, Quy hoạch tỉnh, Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh, Quy hoạch vùng huyện Hà Trung, Quy hoạch chung xây dựng đô thị Hà Long và khả năng huy động nguồn lực tại địa phương; quán triệt quan điểm phát triển đô thị trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Sắp xếp, hình thành và phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ theo định hướng quy hoạch chung đô thị được duyệt; nâng cao nhận thức về quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với chính quyền đô thị, các cơ quan chuyên môn, cộng đồng dân cư và bảo vệ môi trường đô thị, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển đô thị bền vững.

- Phối hợp lồng ghép có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, dự án đang thực hiện hoặc đã được phê duyệt liên quan đến phát triển đô thị. Các chương trình kế hoạch phát triển đô thị phải được tích hợp các yêu cầu về phát triển bền vững, phát triển đô thị xanh, tiết kiệm năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

## 2.2. Mục tiêu:

- Giai đoạn đến năm 2025: Xây dựng phát triển đô thị Hà Long theo quy hoạch chung được phê duyệt; công nhận khu vực xã Hà Long đạt các tiêu chí đô thị loại V và thành lập thị trấn Hà Long trên cơ sở nguyên trạng xã Hà Long.

- Các giai đoạn 2026-2030 và 2031-2045: Hoàn thiện các chỉ tiêu theo tiêu chí đô thị loại V và các chỉ tiêu được xác định tại quy hoạch chung đô thị Hà Long.

## 3. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị

TT	Chỉ tiêu phát triển đô thị	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045
Nhóm chỉ tiêu về nhà ở								
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt tối thiểu	m <sup>2</sup> /người	27,06	29	29	29	30	32
2	Tỷ lệ nhà kiên cố đạt tối thiểu	%	92,95	93	95	95	100	100
Nhóm chỉ tiêu về giao thông								
3	Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng tối thiểu	%	19,34	20	20	20	20	22
4	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng tối thiểu	%	9,14	9	9	10	10	10
Nhóm chỉ tiêu về cấp nước sạch								
5	Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch tối thiểu	%	0	70	90	100	100	100
6	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ng.đ	0	90	90	90	95	100
Nhóm chỉ tiêu về thoát nước								
7	Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước/diện tích lưu vực thoát nước	%	70	80	80	85	90	100
8	Lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tối thiểu	%	0	5	10	60	60	60
9	Cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm	%	100	100	100	100	100	100
10	Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	95	95	100	100	100	100
11	Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch tối đa	%	0	20	15	15	10	10
Nhóm chỉ tiêu thu gom, xử lý chất thải rắn								
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt tối thiểu	%	88,31	90	90	95	100	100

TT	Chỉ tiêu phát triển đô thị	Đơn vị	Hiện trạng	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045
13	Tỷ lệ chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100	100	100	100
Nhóm chỉ tiêu về chiếu sáng đô thị								
14	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	100	100	100	100	100	100
15	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng	%	74,52	85	85	90	95	100
Nhóm chỉ tiêu về cây xanh đô thị								
16	Đất cây xanh đô thị	m <sup>2</sup> / người	10,48	10,5	10,5	11	11	11
17	Đất cây xanh sử dụng công cộng	m <sup>2</sup> / người	2,15	4	5	6	6	6

#### 4. Danh mục và lộ trình đầu tư các khu vực phát triển đô thị

TT	Tên khu vực	Tính chất, chức năng	Quy mô (ha)	Giai đoạn
1	Khu vực số 01: Phát triển công nghiệp	Khu vực trọng điểm phát triển kinh tế với Khu công nghiệp Hà Long là động lực chính	494,0	2023-2045
2	Khu vực số 02: Phát triển công nghiệp	Khu vực phát triển kinh tế với các Cụm công nghiệp Hà Long I, II, III là động lực chính.	235,0	2023-2045
3	Khu vực số 03: Trung tâm đô thị	Là Trung tâm đô thị (trung tâm hành chính – chính trị, văn hóa – xã hội đô thị). Cải tạo, nâng cấp khu Trung tâm đô thị kết hợp phát triển dịch vụ - thương mại, khu dân cư mới.	160,0	2023-2030
4	Khu vực số 04: Khu vực dân cư đô thị phát triển mới	Bổ trợ chức năng cho Khu công nghiệp Hà Long. Chức năng chính là khu dân cư đô thị phát triển, tái định cư và dịch vụ thương mại	85,0	2023-2035
5	Khu vực số 05: Khu vực dịch vụ thương mại phát triển mới	Trung tâm dịch vụ thương mại cấp vùng, chức năng hỗn hợp và khu dân cư đô thị phát triển mới	98,0	2023-2045
6	Khu vực số 06: Khu vực Văn hóa lịch sử và dân cư đô thị	Khu vực bảo tồn, tôn tạo giá trị Văn hóa lịch sử gắn với sắp xếp, cải tạo, nâng cấp khu dân cư cũ. Trong đó Khu vực bảo tồn, tôn tạo khu di tích lăng miếu Triệu Tường là hạt nhân	340,0	2026-2040
7	Khu vực số 07: Khu vực Dịch vụ - Du lịch - Nông nghiệp xanh	Khu vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao kết hợp Dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng và quần thể sân golf	500,0	2026-2045

**5. Danh mục các dự án theo từng giai đoạn phù hợp với quy hoạch chung được phê duyệt (hạ tầng khung và công trình đầu mối)**

<b>TT</b>	<b>Danh mục dự án ưu tiên đầu tư</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>A</b>	<b>HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ</b>	<b>1.326,04</b>	
<b>A1</b>	<b>Giao thông</b>	<b>1.018,04</b>	
1	Đường từ nút giao cao tốc đi đường tỉnh 522B	33,17	Kế hoạch hành động NQ05
2	Dự án đầu tư tuyến nối từ QL.217B vào khu Nông nghiệp công nghệ cao và sân Golf Hà Long;	77,39	
3	Đường từ nút giao cao tốc đi khu CN Hà Long	92,86	
4	Đường Đồng Toàn đi Đại Sơn (nối 2 đầu QL.217B)	112,76	
5	Đường QL.217B tránh khu trung tâm đô thị	88,44	
6	Nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 217B qua đô thị (mặt cắt 46m theo quy hoạch chung đô thị)	134,87	NS tỉnh+huyện
7	Đường vành đai phía Nam KCN Hà Long	95,07	NS tỉnh
8	Đường vành đai phía Tây Bắc KCN Hà Long	99,50	NS tỉnh
9	Tuyến đường trục trung tâm đô thị đi xã Hà Giang	33,17	NS huyện
10	Tuyến đường vành đai phía Nam đô thị (qua CCN Hà Long II, III)	100,82	NS huyện
11	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường đô thị khác	150,00	NS huyện
<b>A2</b>	<b>Cấp điện, chiếu sáng đô thị</b>	<b>71,00</b>	
1	Hệ thống điện chiếu sáng, trang trí đường Quốc lộ 217B	15,00	QĐ số 898/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh
2	Hệ thống điện chiếu sáng, trang trí tuyến đường đô thị	56,00	NS xã+XHH
<b>A3</b>	<b>Hạ tầng viễn thông thụ động</b>	<b>10,00</b>	
	Nâng cấp hạ tầng viễn thông (Hệ thống chuyên mạch, cáp quang, Internet ADSL, cột phát sóng, ...)	10,00	XHH
<b>A4</b>	<b>Cấp, thoát nước</b>	<b>212,00</b>	
1	Hệ thống phân phối nước và nhà máy nước sạch	50,00	XHH
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến thoát nước đô thị	42,00	NS huyện+xã
3	Đầu tư khu xử lý nước thải và hệ thống thu gom	120,00	NS huyện+xã
<b>A5</b>	<b>Chất thải rắn, vệ sinh môi trường và nghĩa trang ĐT</b>	<b>15,00</b>	
1	Tường bao, dải cây xanh cách ly một số nghĩa trang nhỏ	5,00	NS xã
2	Đầu tư hệ thống thu gom chất thải rắn	10,00	XHH
<b>B</b>	<b>HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI ĐÔ THỊ</b>	<b>13.342,79</b>	
<b>B1</b>	<b>Công trình văn hóa - thể dục thể thao, Công viên cây xanh</b>	<b>493,77</b>	
1	Tu bổ, tôn tạo Lăng Trường Nguyễn-Thiên Tôn (DT-03)	120,00	Kế hoạch

2	Nhà thờ họ Nguyễn	5,00	hành động NQ05
3	Đất tôn giáo (giáo họ Dũng Lực)	5,00	
4	Bãi đỗ xe khu Lăng Miếu Triệu Tường	17,91	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đình Gia Miêu chuyên tiếp 2	20,00	
6	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lăng miếu Triệu Tường (DT-01; DT-02) Chuyên tiếp 2	179,00	
7	Mở rộng đèn Rồng Đèn Nước	35,00	
8	Tu bổ, tôn tạo đèn Đức Ông	30,00	
9	Đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao mới phía Tây trụ sở UBND xã hiện nay (TTVH-01)	30,93	
10	Đầu tư công viên cây xanh tại sân vận động hiện nay	8,14	NS xã
11	Đầu tư xây dựng Sân vận động - TDTT mới (TDTT-01)	22,79	NS xã
12	Đầu tư, nâng cấp một số nhà văn hóa khu phố	20,00	XHH
<b>B2</b>	<b>Công trình giáo dục - đào tạo</b>	<b>98,55</b>	
1	Xây dựng mới một số phòng học, nâng cấp các phòng học cũ, tu sửa công trình phụ trợ trường tiểu học Hà Long 1	15,00	Kế hoạch đầu tư trung hạn huyện
2	Cải tạo, chỉnh trang trường mầm non Hà Long (GD-05)	1,90	NS xã
3	Cải tạo, chỉnh trang trường tiểu học Hà Long (GD-02)	2,75	NS xã
4	Cải tạo, chỉnh trang trường THCS Hà Long (GD-03)	4,86	NS xã
5	Đầu tư xây dựng trường liên cấp THCS, THPT ngoài công lập (GD-01)	74,05	XHH
<b>B3</b>	<b>Công trình y tế</b>	<b>119,50</b>	
1	Xây mới và đầu tư trang thiết bị trạm y tế xã	7,00	NS huyện+xã
2	Bệnh viện đa khoa ngoài công lập (YT-01)	112,50	XHH
<b>B4</b>	<b>Công sở hành chính</b>	<b>8,39</b>	
1	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an	1,39	NS huyện
2	Nâng cấp, cải tạo Công sở làm việc cơ quan (CQ-01)	7,00	NS huyện
<b>B5</b>	<b>Khu dân cư đô thị</b>	<b>1.710,17</b>	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư mới xã Hà Long	40,50	Kế hoạch đầu tư trung hạn của huyện
2	Khu xen cư và tái định cư phía Nam khu lăng miếu Triệu Tường	40,00	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồi, xã Hà Long	8,78	
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồi, xã Hà Long, huyện Hà Trung (Chuyên tiếp 2)	18,80	
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại xã Hà Long, huyện Hà Trung (Vị trí 3)	70,00	
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại xã Hà Long, huyện Hà Trung (Vị trí 2)	110,00	
7	Hạ tầng khu dân cư mới (DCM-01)	52,65	

8	Khu dân cư mới (DCM-03, DCM-04, DCM-05)	97,20	hành động NQ05
9	Hạ tầng khu dân cư mới kết hợp dịch vụ thương mại 01 (CX-05, DVTM-01, DCM-02)	259,20	
10	Hạ tầng khu dân cư mới, tái định cư, nhà ở xã hội và dịch vụ thương mại	526,50	
11	Hạ tầng khu dân cư mới kết hợp dịch vụ thương mại (DCM-11, DVTM-02)	217,89	NS huyện
12	Sắp xếp, cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư hiện hữu đô thị	268,65	NS huyện +xã+XHH
<b>B6</b>	<b>Công nghiệp, TTCN, làng nghề</b>	<b>6.940,65</b>	
1	Đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Hà Long I (CCN-01)	605,88	QĐ số 2378/QĐ- UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh
2	Đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Hà Long II (CCN-02)	599,40	XHH
3	Đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Hà Long III (CCN-03)	599,40	XHH
4	Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Hà Long (KCN-01)	4.002,21	Kế hoạch đầu tư trung hạn của huyện
5	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Bắc khu A - khu công nghiệp Bim Sơn (trên địa bàn xã Hà Long)	393,26	
6	Đầu tư khu sản xuất nông nghiệp CNC (NNC-01)	740,50	
<b>B7</b>	<b>Thương mại, dịch vụ, công trình khác</b>	<b>3.641,91</b>	
1	QH đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khu đồng Lô 2, Lô 2 ngoài, Lô 2 trong, Lô 1	177,39	Kế hoạch hành động NQ05
2	QH đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khu đồng Đàm Trung	64,80	
3	Khu nhà máy Cty TNHH MTV DLH Thanh Hóa	38,07	
4	Khu sản xuất kinh doanh Đại Dương	7,29	
5	Nhà máy chế biến Dừa	40,50	
6	Khu TM dịch vụ Hà Long (khu đồng Lô 1, Lô 3, Lô 4)	193,59	
7	Khu biệt thự nghỉ dưỡng	267,30	
8	Khu Shohouse liền kề	56,70	
9	Khu công viên chủ đề	126,00	
10	Khu Thương mại dịch vụ (thuộc khu dân cư TDC và nhà ở xã hội TMDV Hà Long)	80,19	
11	Khu thương mại dịch vụ đồng Bảy Thửa	26,73	
12	Khu dịch vụ thương mại Hà Long (đồng Đông Ngang)	16,20	
13	Đầu tư xây dựng quần thể sân golf Hà Long (DVTT-01)	1.108,80	
14	Đầu tư khu hỗn hợp (DVTM, SXKD, ...) số 01 ( HH-01)	76,78	XHH
15	Đầu tư khu hỗn hợp (DVTM, SXKD, ...) số 02 ( HH-02)	119,33	
16	Đầu tư khu hỗn hợp (DVTM, SXKD, ...) số 03 ( HH-03)	83,25	
17	Đầu tư khu hỗn hợp (DVTM, SXKD, ...) số 04 ( HH-04)	81,40	

18	Đầu tư khu dịch vụ nghỉ dưỡng (DVDL-01)	381,60	
19	Đầu tư khu trang trại kết hợp dịch vụ du lịch (RSXT-02)	696,00	
<b>B8</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật đầu mối, công trình khác</b>	<b>329,86</b>	
1	Xây dựng tuyến 35KV lộ 376, nâng cấp lộ 475 trạm 110 KV Bim Sơn (E9.23) chống quá tải cho trạm 110 KV	50,00	Kế hoạch hành động NQ05
2	Đầu tư Bến xe hỗn hợp Hà Long (HTKT-01)	24,51	
3	Đầu tư Chợ (DVTM-05)	11,83	XHH
4	Đầu tư Bãi đỗ xe (P-01, P-02)	15,50	
5	Đầu tư mở rộng nghĩa trang tập trung (NTĐ-02)	98,02	
6	Cải tạo nâng cấp đê, kè Hồ Bến Quân	60,00	
7	Gia cố đê, kè, nạo vét lòng sông Long Khê, khe Vạn Bảo	70,00	
<b>C</b>	<b>LĨNH VỰC KHÁC</b>	<b>3,00</b>	
	Chương trình PTĐT, công nhận loại đô thị, thành lập đơn vị hành chính đô thị	3,00	Kế hoạch hành động NQ05

## 6. Đề xuất khu vực phát triển đô thị ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu

Khu vực phát triển đô thị ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu gồm: Khu vực số 01 và số 02 - Phát triển công nghiệp (đề tạo nguồn lực phát triển đô thị); khu vực số 03 - Khu trung tâm đô thị (cải tạo, nâng cấp cho đô thị) và khu vực số 06 - Khu vực Văn hóa lịch sử và dân cư đô thị (bảo tồn, phát huy nét đặc trưng đô thị, đồng thời tạo nguồn lực phát triển đô thị).

Tích cực huy động các nguồn vốn để đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Tập trung hoàn thiện hạ tầng nút giao tuyến cao tốc Bắc - Nam với Quốc lộ 217B. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng tuyến đường từ nút giao cao tốc đi tỉnh lộ 522B. Nâng cấp, cải tạo vỉa hè, rãnh thoát nước, điện chiếu sáng khu vực trung tâm đô thị, nhất là dọc tuyến Quốc lộ 217B, đường tỉnh 522B, đường huyện để tạo cảnh quan không gian, bộ mặt đô thị và kết nối, lưu thông thuận lợi trên địa bàn.

Đẩy mạnh đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội. Tiếp tục kêu gọi, đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa như Lăng Trường Nguyên - Thiên Tôn, Lăng Miếu Triệu Tường, đình Gia Miêu, đền Ròng đền Nước, đền Đức Ông. Ưu tiên xã hội hóa trong đầu tư sân thể thao đơn giản, cây xanh vườn hoa cấp khu ở, nâng cấp các công trình văn hóa - TDTT tại các thôn. Khuyến khích đầu tư khu dân cư đô thị đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đẩy nhanh tiến độ các dự án khu dân cư dành cho tái định cư để ổn định đời sống của nhân dân trong vùng ảnh hưởng bởi dự án, đồng thời hoàn thành các nhiệm vụ kép về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thu hút, lấp đầy nhà đầu tư thứ cấp tại Cụm công nghiệp Hà Long I (phần đã chấp thuận đầu tư); đề xuất kế hoạch xúc tiến đầu



tư, chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật vào Khu công nghiệp Hà Long; thu hút đầu tư vào khu dịch vụ - du lịch và nghỉ dưỡng, sân golf, khu nông nghiệp công nghệ cao và khu kinh doanh thương mại - dịch vụ.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Hà Trung:

- Tổ chức thực hiện các nội dung của chương trình theo quy định của pháp luật; phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan để thực hiện các nội dung của chương trình;

- Theo quy hoạch được duyệt chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện chỉnh trang đô thị, lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức vận động nhân dân tham gia cùng với chính quyền thực hiện;

- Tăng cường quản lý đất đai, quản lý xây dựng, tạo điều kiện và hướng dẫn nhân dân xây dựng công trình đảm bảo mỹ quan đô thị.

2. Sở Xây dựng và các sở ngành, đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, phối hợp và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; đồng thời giải quyết kịp thời hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
  - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
  - Lưu: VT, CN.
- H3.(2023)QDPD\_CTPT DT Hà Long

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**